



MARKET LENS

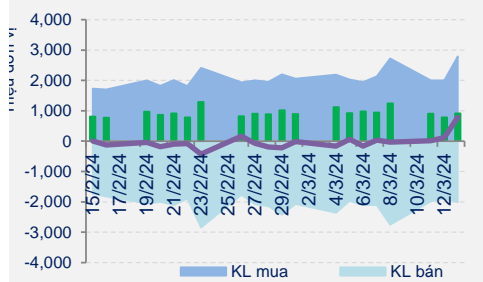
Phiên giao dịch ngày: 13/3/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

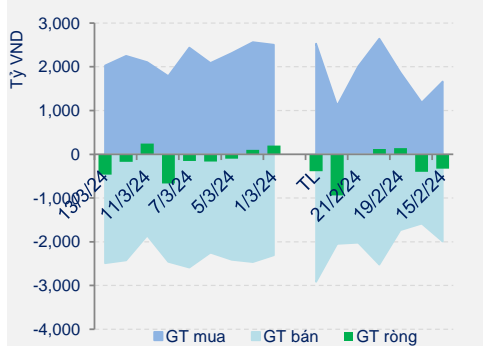
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,270.51	238.20
% Thay đổi	↑ 2.05%	↑ 1.78%
KLGD (CP)	918,411,367	110,325,521
GTGD (tỷ đồng)	26,244.24	2,271.53
Tổng cung (CP)	2,009,595,218	171,451,700
Tổng cầu (CP)	2,791,465,623	167,248,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	64,492,832	4,527,785
KL mua (CP)	52,790,410	2,746,400
GT mua (tỷ đồng)	2,027.22	72.43
GT bán (tỷ đồng)	2,490.80	113.74
GT ròng (tỷ đồng)	(463.59)	(41.31)

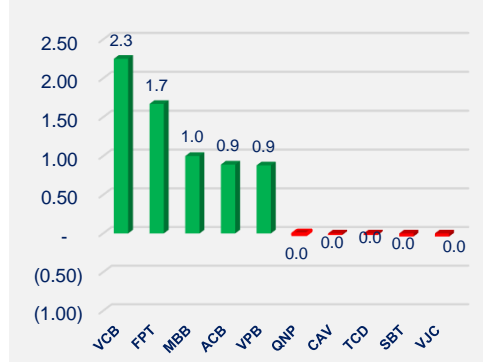
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường tiếp tục có phiên giao dịch tích cực sau khi phục hồi tốt ở vùng hỗ trợ quanh đường giá trung bình MA20 phiên. Đầu phiên VN-INDEX tiếp tục tăng điểm, đà tăng duy trì và tăng mạnh ở cuối phiên lên lại vùng giá cao nhất tuần trước. Kết phiên VN-INDEX tăng 25,51 điểm (+2,05%) lên mức 1.270,51 điểm với thanh khoản gia tăng. HNX-INDEX tăng 4,17 điểm (+1,78%) lên mức 238,20 điểm. Độ rộng thị trường tích cực trở lại, mức độ phục hồi rất tốt với nhiều mã vượt lên vùng giá đỉnh cũ khi có 569 mã tăng giá (31 mã tăng trần), 104 mã giảm giá (08 mã giảm sàn) và 125 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 28.502,89 tỷ đồng, tăng 10,39% so với phiên trước, trên mức trung bình, với khối lượng giao dịch trên VN-INDEX tăng 38,02% trong khi khối lượng VN30 giảm 12,19% so với phiên trước. Lực cầu, dòng tiền ngắn hạn gia tăng nhiều ở các mã nhóm vốn hóa trung bình và nhỏ. Khối ngoại gia tăng bán ròng trên HOSE với giá trị 463,59 tỉ đồng, trong đó bán ròng khá mạnh ở cổ phiếu VNM, VHM; tiếp tục bán ròng trên HNX với giá trị 41,31 tỉ đồng, tập trung đột biến ở cổ phiếu dầu khí PVS và SHS.

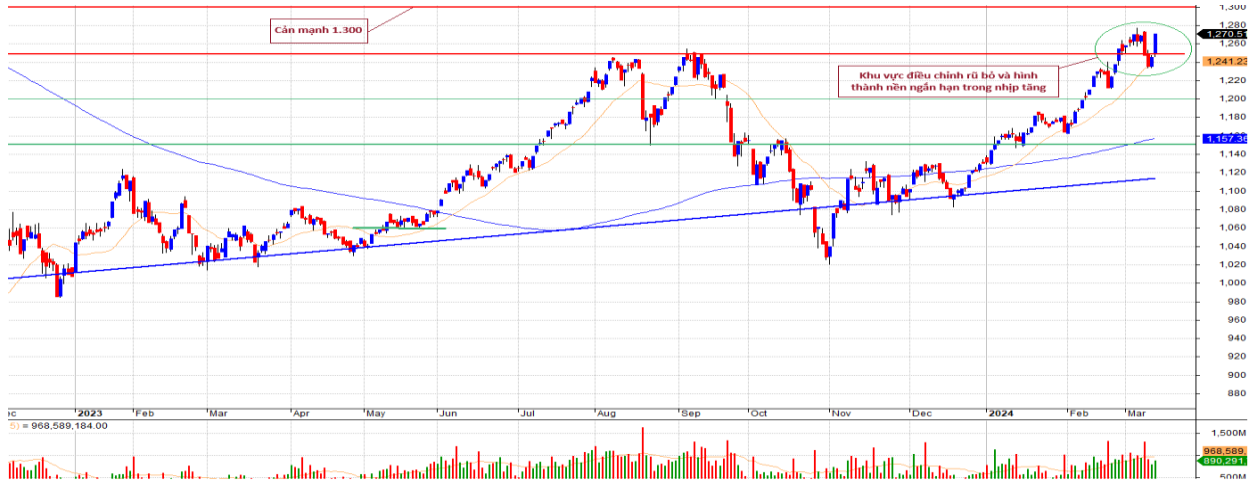
Báo cáo của Bộ Lao động Mỹ cho biết CPI tháng 2/2024 đã tăng 0,4% so với tháng 1/2024 và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Phần lớn nguyên nhân là do giá xăng và chi phí nhà ở tăng cao. Đây là mức tăng cao nhất kể từ tháng 9 năm ngoái. CPI lõi, loại bỏ thực phẩm và năng lượng dễ biến động, cũng tăng 0,4% trong tháng 2 và tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2023. Báo cáo CPI tháng 2 có thể khiến các quan chức FED trì hoãn quyết định giảm lãi suất trong kỳ họp sắp đến ngày 21/03/2024.

Các cổ phiếu nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán có diễn biến rất tích cực khi nhiều mã tăng giá mạnh vượt đỉnh gần nhất, thanh khoản rất đột biến, nổi bật như VIX (+6,91%), VDS (+6,90%), VCI (+6,83%), ORS (+6,87%), CTS (+5,56%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su tiếp tục có diễn biến vượt trội so với thị trường chung khi nhiều mã tiếp tục tăng giá mạnh, vượt đỉnh, thanh khoản đột biến như VGC (+6,88%), DTD (+6,85%), LHG (+4,06%), DPR (+3,51%)... ngoài PHR (-0,50%)... chịu áp lực điều chỉnh.

Nhóm cổ phiếu hóa chất, phân bón nhiều mã tiếp tục tăng giá mạnh, vượt và tiệm cận đỉnh giá lịch sử năm 2022, thanh khoản gia tăng mạnh nổi bật như DGC (+6,98%), BFC (+5,37%), DDV (+5,19%), LAS (+4,81%), DCM (+3,86%)... Các cổ phiếu công nghệ viễn thông tiếp tục xu hướng tăng giá mạnh, lập đỉnh mới với thanh khoản gia tăng như VTK (+13,59%), VTP (+6,89%)... FPT (+4,56%), CMG (+3,33%), FOX (+3,19%)...

Các cổ phiếu bất động sản sau giai đoạn có diễn biến kém tích cực cũng có tăng giá tốt trong phiên hôm nay, nhiều mã tăng giá mạnh tích cực như VRC (+6,67%), NBB (+6,52%), NHA (+6,18%), NLG (+4,71%)... ngoài các mã giảm điểm SGR (-1,25%), LDG (-0,33%), KOS (-0,13%)... Trong khi đó các mã nhóm ngân hàng đa số cũng phục hồi tốt, tuy nhiên thanh khoản dưới mức trung bình với mức độ phân hóa cao như VIB (+3,52%), ACB (+3,36%), MBB (+3,25%), VPB (+2,70%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2403 sau phiên giảm mạnh đã tăng mạnh 31,5 điểm (+2,54%), chênh lệch âm thu hẹp -0,98 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 7,25% so với phiên trước, trên mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 đang vượt lên kháng cự quan trọng đường giá trung bình MA20 ngày quanh 1.250 điểm, hướng tăng kiểm tra lại vùng đỉnh giá 1.275 điểm-1.282 điểm các ngày 05-06/03/2024. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ -7,28 điểm đến -0,98 điểm so với VN30. Các mức chênh lệch đảo ngược cho thấy thị trường có kỳ vọng lạc quan ngắn hạn trở lại với VN30, nhưng vẫn kém lạc quan ở kỳ hạn dài hơn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường hồi phục mạnh đưa Vn-Index trở lại đỉnh ngắn hạn cũ trước khi điều chỉnh, chốt phiên Vn-Index tăng +25,51 điểm (+2,05%) và đóng cửa ở 1.270,51 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, phiên hồi phục mạnh và trở lại đỉnh ngắn hạn sau 2 phiên điều chỉnh mạnh mở ra khả năng Vn-Index có thể tiếp tục tăng điểm trong các phiên tới hướng tới ngưỡng cản mạnh 1.300 điểm. Dù vậy chúng tôi vẫn duy trì quan điểm sau khi kết thúc đà hưng phấn Vn-Index sẽ điều chỉnh trở lại trong kênh giá 1.150 điểm - 1.250 điểm bởi nền tảng tích lũy là cơ sở cho uptrend chưa hình thành đủ tin cậy.

Về góc nhìn trung hạn Vn-Index đang có đà tăng ngắn hạn nhưng đang vận động trên nền tích lũy chưa đủ dài và tin cậy nên khả năng thị trường hụt hơi sau nhịp tăng ngắn hạn là hoàn toàn có thể xảy ra. Nếu Vn-Index bước vào nhịp giảm thì vận động này cũng là vận động bình thường và phù hợp với kỳ vọng swing tích lũy, chúng tôi cho kênh tích lũy phù hợp sẽ là 1.150 điểm - 1.250 điểm hoặc 1.300 điểm.

Số liệu CPI tại Mỹ mới công bố cho thấy diễn biến giá cả tại quốc gia này vẫn khó lường và điều này củng cố nhận định của chúng tôi trước đây rằng FED sẽ chỉ bắt đầu tính tới việc giảm lãi suất vào nửa sau của năm nay. Trong nước, những diễn biến gần đây như Tổ công tác của Thủ tướng và các Bộ ngành họp tháo gỡ khó khăn các dự án bất động sản hay sắp tới là các Hội nghị Triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ 2024 và Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương về tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy triển khai các dự án nhà ở xã hội cho thấy những nỗ lực để đẩy mạnh tín dụng, thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên các chính sách sẽ cần thêm nhiều thời gian để thực sự phát huy tác dụng.

Vn-Index phục hồi mạnh mẽ tuy nhiên đang vận động ở vùng điểm số cao trong kênh tích lũy trung hạn và sớm tiệm cận cản mạnh 1.300 điểm và kịch bản điều chỉnh có khả năng xảy ra, nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng ở giai đoạn hiện tại. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và chờ đợi thị trường bước vào nhịp giảm ngắn hạn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

13/3/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PVD	31.35	27.5-28.3	31-32	26	30.1	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân
BWE	43.50	42.5-43.5	50-52	40	12.5	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
SAB	59.60	59-60.5	69-71	56	18.6	-15.0%	-9.3%	Theo dõi giải ngân
PVS	36.90	37-37.8	44-45	35	20.4	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	34.00	22.3	35-37	31	52.5%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	60.00	45.1	64-65	57	33.0%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	31.35	27.55	32-33	30	13.8%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	22.25	18.09	23-24	21	23.0%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Đề xuất điều chỉnh quy định tỷ lệ trích lập Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp nhà nước chủ động xác lập tỷ lệ trích lập Quỹ tối thiểu nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập năm nhằm bảo đảm tính bình đẳng về quy định tỷ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác... Đây là đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ nêu tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 95/2014/NĐ-CP quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

Thủ tướng sẽ chủ trì cuộc họp giữa Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an và UBND các địa phương... gỡ khó các dự án nhà ở xã hội vào 16/3

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính sẽ chủ trì Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương về tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy triển khai các dự án nhà ở xã hội tổ chức vào 16/3 tới đây. Chính phủ sắp họp cùng Bộ Xây dựng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an và UBND các địa phương... gỡ khó các dự án nhà ở xã hội. Trước đó, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Phạm Minh Chính, văn phòng Chính phủ đã có công văn gửi lãnh đạo của các công ty gồm Vingroup, SunGroup, Geleximco, FPT, Masan Group, TH, Đèo Cả, Novaland, Hưng Thịnh, Savico, Taseco, Becamex IDC, Phát Đạt, Hoàng Quân, Vinaconex tham gia một Hội nghị.

VASEP: Đánh thuế 10% với dịch vụ xuất khẩu gây bất lợi cho doanh nghiệp chế xuất

VASEP cho rằng đề xuất đánh thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ xuất khẩu là không phù hợp với thông lệ quốc tế, làm tăng chi phí, giảm sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu so với các nước. Đồng thời, tạo nên bất bình đẳng giữa doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp sản xuất hàng nội địa... Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) vừa gửi Công văn số 31/CV-VASEP tới các bộ, ngành: Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư; Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính và Tổng cục Thuế góp ý về dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi và dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

CPI Mỹ nóng hơn dự báo, Fed khó giảm lãi suất sớm và nhanh

Lạm phát của Mỹ tăng trở lại trong tháng 2 và nóng hơn dự báo, đặt ra khả năng Cục Dự trữ Liên bang (Fed) phải chờ ít nhất tới mùa hè năm nay mới có thể bắt đầu cắt giảm lãi suất. Chưa kể, ngay cả khi đã bước vào chu kỳ nới lỏng, Fed cũng sẽ khó hạ lãi suất với tốc độ nhanh... Bản báo cáo được chờ đợi do Cục Thống kê lao động thuộc Bộ Lao động Mỹ công bố ngày 12/3 cho thấy chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần tăng 0,4% trong tháng 2 so với tháng 1 và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng tháng phù hợp với dự báo, nhưng mức tăng cả năm cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với mức dự báo tăng 3,1% mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones.



TIN DOANH NGHIỆP

Cao su Phước Hòa dự báo lãi ròng công ty mẹ về mức thấp nhất 9 năm

Năm nay Cao su Phước Hòa kỳ vọng giá bán cao su bình quân dự kiến là 36,41 triệu đồng/tấn, tăng 6,5% so với năm 2023. Mục tiêu sản lượng cao su khai thác và cao su tiêu thụ đều phần đầu tăng trưởng một chữ số so với cùng kỳ. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị (HĐQT) phiên họp lần 1 năm 2024 của CTCP Cao su Phước Hòa (Mã: PHR), tổng doanh thu công ty mẹ kỳ vọng đạt 165 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ cao su là 163,6 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế mục tiêu đạt 12 tỷ đồng. Công ty dự kiến nộp ngân sách nhà nước 10,4 tỷ đồng. So với kết quả quý I năm ngoái, chỉ tiêu tổng doanh thu công ty mẹ giảm 18% còn lợi nhuận trước thuế giảm 94% so với mức nền cao cùng kỳ khi có thêm thu nhập khác từ bồi thường thực hiện dự án VSIP III.

Chứng khoán IVS sắp chào bán hơn 69 triệu cp, 75% vốn huy động dùng cho vay kỳ quỹ

ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 lần 1 của CTCP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) (HNX: IVS) vừa thông qua phương án chào bán 69.35 triệu cp cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền. Tổng giá trị huy động tính theo mệnh giá khoảng 693.5 tỷ đồng. Tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cp sẽ có 1 quyền mua, 1 quyền được mua 1 cp phát hành thêm). Giá chào bán không được tiết lộ, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định giá chào bán cụ thể căn cứ theo điều kiện thực tế khi thực hiện thủ tục phát hành. Nếu thành công, vốn điều lệ Công ty có thể gấp đôi, từ 693.5 tỷ đồng cuối năm 2023 lên 1,387 tỷ đồng.

Đạm Phú Mỹ lên kế hoạch 2024 lãi gần 550 tỷ, hạ tỷ lệ cổ tức năm 2023 xuống còn một nửa

Đạm Phú Mỹ đạt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất là 12.755 tỷ đồng, giảm 9% so với thực hiện năm ngoái. Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (Đạm Phú Mỹ - Mã: DPM) sẽ tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 29/3 tại hội trường công ty thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo tài liệu họp, năm 2024, Đạm Phú Mỹ đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất là 12.755 tỷ đồng, giảm 9% so với thực hiện năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế dự kiến ở mức 542 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức gần 570 tỷ đồng của năm 2023. Công ty dự kiến nộp Ngân sách Nhà nước 263 tỷ đồng.

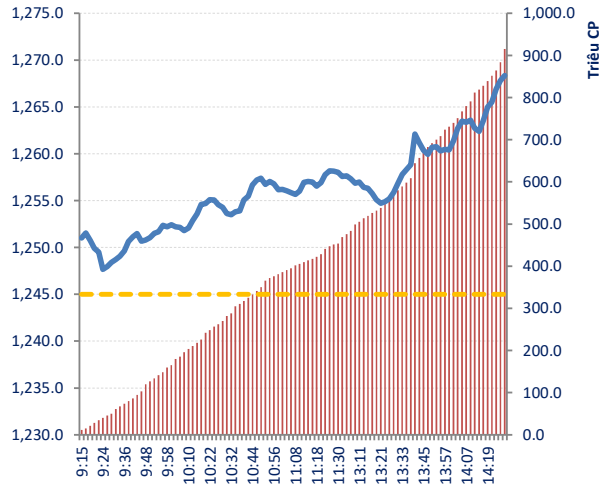
CCM sắp trả cổ tức 2023 tỷ lệ 20%

CTCP Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ (UPCoM: CCM) sẽ chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2024 và tạm ứng cổ tức 2023 bằng tiền với tỷ lệ 20%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 29/03/2024. ĐHĐCĐ thường niên 2024 của CCM dự kiến tổ chức vào ngày 27/04/2024, Công ty sẽ thông báo thời gian và địa điểm cụ thể trong thư mời. Đồng thời, CCM cũng chốt quyền tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 20% - tương đương 2,000 đồng/cp. Với gần 6.2 triệu cp đang lưu hành, CCM cần chi gần 12.4 tỷ đồng để hoàn tất đợt cổ tức. Ngày thực hiện dự kiến 30/05/2024.

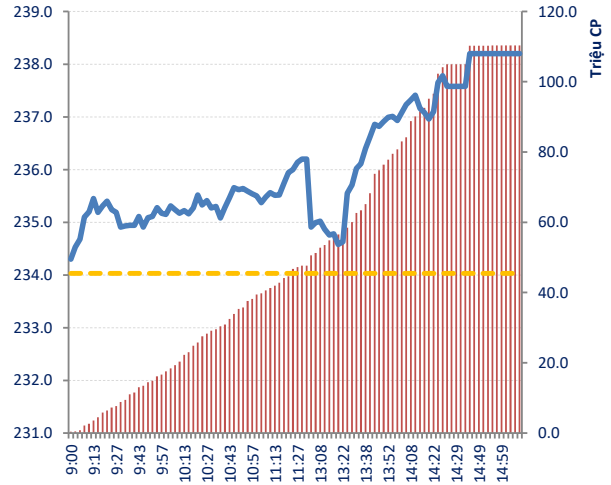


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

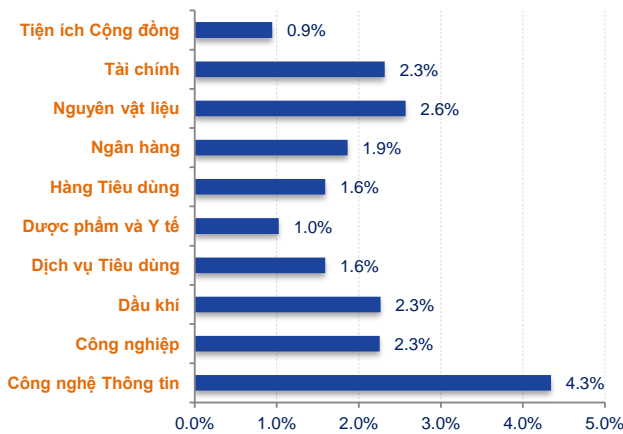
KLGD và VN-Index trong phiên



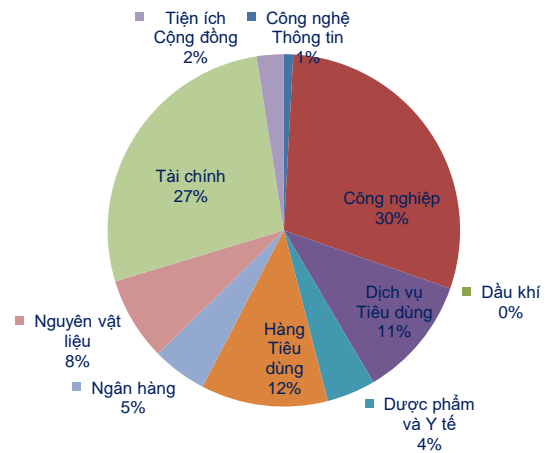
KLGD và HNX-Index trong phiên



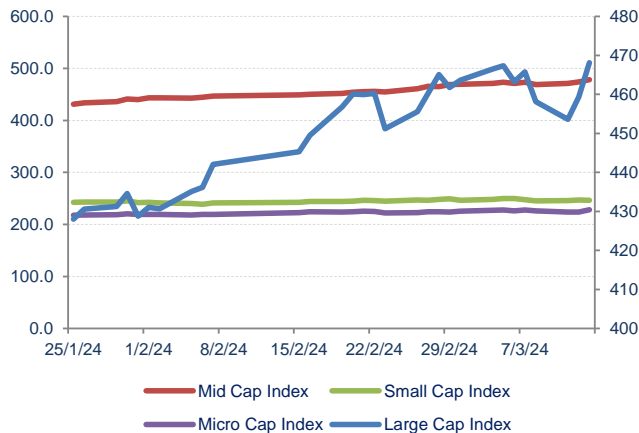
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



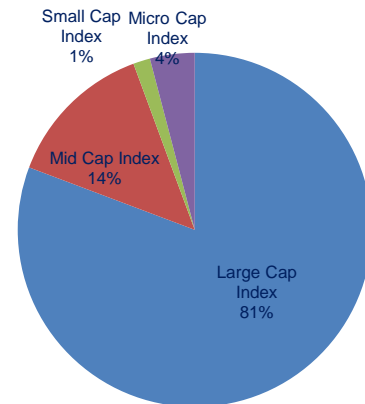
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MWG	1,429,100	VNM	3,442,960	1	DTD	361,700	SHS	1,533,700
2	DCM	1,154,750	VHM	2,833,200	2	MBS	221,230	PVS	538,300
3	OCB	1,127,100	SBT	2,735,300	3	HUT	146,500	CEO	423,900
4	HPG	1,033,591	GEX	2,284,179	4	VGS	143,200	IDJ	180,500
5	DPM	848,405	VND	2,159,597	5	LAS	142,900	IDC	178,693

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	18.80	20.10	↑ 6.91%	61,286,500	SHS	17.70	18.50	↑ 4.52%	32,528,200
SSI	36.30	37.95	↑ 4.55%	35,810,800	CEO	21.30	21.70	↑ 1.88%	9,901,411
VND	22.60	23.55	↑ 4.20%	35,096,500	MBS	27.90	29.40	↑ 5.38%	6,712,893
HPG	30.20	30.80	↑ 1.99%	29,797,000	PVS	36.30	36.90	↑ 1.65%	5,190,132
TCB	41.20	42.00	↑ 1.94%	20,371,800	IDC	58.80	60.00	↑ 2.04%	4,081,236

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVI	65.80	70.40	4.60	↑ 6.99%	VC6	14.00	15.40	1.40	↑ 10.00%
DGC	118.90	127.20	8.30	↑ 6.98%	VNT	44.10	48.50	4.40	↑ 9.98%
ADS	12.90	13.80	0.90	↑ 6.98%	NHC	25.20	27.70	2.50	↑ 9.92%
HUB	17.95	19.20	1.25	↑ 6.96%	TSB	53.60	58.90	5.30	↑ 9.89%
TCO	10.05	10.75	0.70	↑ 6.97%	VGS	24.40	26.80	2.40	↑ 9.84%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDC	13.85	12.90	-0.95	↓ -6.86%	MCO	32.00	28.80	-3.20	↓ -10.00%
SRF	9.79	9.22	-0.57	↓ -5.82%	BXH	18.00	16.20	-1.80	↓ -10.00%
APC	8.18	7.76	-0.42	↓ -5.13%	ARM	32.20	29.00	-3.20	↓ -9.94%
QNP	33.70	32.00	-1.70	↓ -5.04%	VTH	9.10	8.20	-0.90	↓ -9.89%
TPC	5.79	5.50	-0.29	↓ -5.01%	HMR	15.50	14.00	-1.50	↓ -9.68%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	61,286,500	11.6%	1,444	13.0	1.4
SSI	35,810,800	10.1%	1,531	23.7	2.3
VND	35,096,500	13.0%	1,657	13.6	1.7
HPG	29,797,000	6.9%	1,175	25.7	1.7
TCB	20,371,800	14.7%	5,118	8.1	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	32,528,200	5.7%	688	25.7	1.4
CEO	9,901,411	3.1%	408	52.2	1.8
MBS	6,712,893	12.3%	1,334	20.9	2.4
PVS	5,190,132	6.6%	1,812	20.0	1.3
IDC	4,081,236	22.6%	4,221	13.9	3.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SVI	↑ 7.0%	17.0%	10,319	6.4	1.0
DGC	↑ 7.0%	27.1%	8,163	14.6	3.8
ADS	↑ 7.0%	8.4%	1,126	11.5	0.9
HUB	↑ 7.0%	11.0%	2,362	7.6	0.8
TCO	↑ 7.0%	2.3%	384	26.2	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VC6	↑ 10.0%	11.5%	1,793	7.8	0.9
VNT	↑ 10.0%	-8.5%	(1,022)	-	3.4
NHC	↑ 9.9%	-1.9%	(351)	-	1.4
TSB	↑ 9.9%	5.3%	627	85.4	4.6
VGS	↑ 9.8%	6.1%	1,090	22.4	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	1,429,100	0.7%	115	408.0	2.9
DCM	1,154,750	10.8%	2,095	16.7	1.9
OCB	1,127,100	15.3%	2,034	7.2	1.0
HPG	1,033,591	6.9%	1,175	25.7	1.7
DPM	848,405	4.2%	1,361	26.1	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DTD	361,700	19.5%	4,328	6.7	1.2
MBS	221,230	12.3%	1,334	20.9	2.4
HUT	146,500	0.6%	82	226.0	1.5
VGS	143,200	6.1%	1,090	22.4	1.3
LAS	142,900	10.7%	1,316	15.8	1.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	527,610	21.7%	5,910	16.0	3.1
BID	296,423	19.0%	3,781	13.8	2.4
VHM	185,931	20.0%	7,607	5.6	1.0
CTG	185,265	17.0%	3,723	9.3	1.5
GAS	178,916	18.4%	5,053	15.4	2.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,404	22.6%	4,221	13.9	3.1
PVS	17,350	6.6%	1,812	20.0	1.3
HUT	16,511	0.6%	82	226.0	1.5
SHS	14,393	5.7%	688	25.7	1.4
THD	13,398	3.0%	470	74.1	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VOS	2.47	9.7%	1,110	10.7	1.0
CII	2.27	2.1%	649	28.4	0.7
ANV	2.20	1.5%	317	110.9	1.6
VPG	2.20	1.3%	232	68.7	0.9
POM	2.15	-45.6%	(3,445)	-	0.9

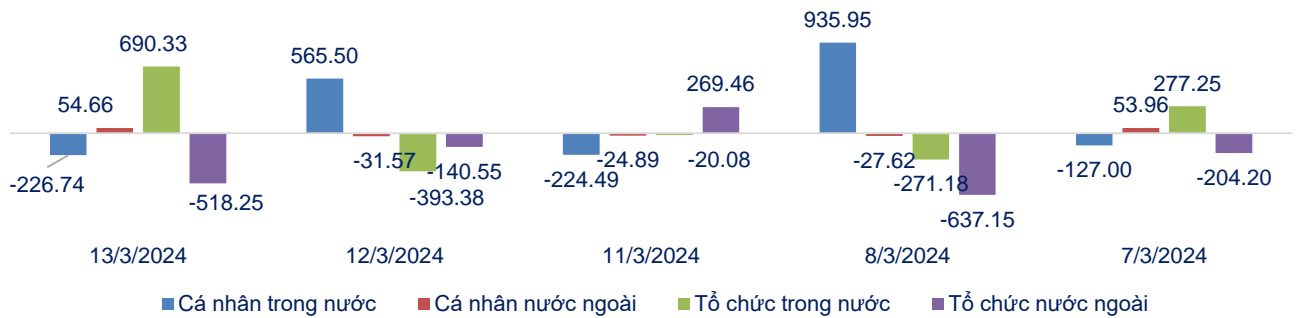
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	2.61	0.6%	82	226.0	1.5
DTD	2.44	19.5%	4,328	6.7	1.2
VC7	2.44	5.4%	758	15.2	1.1
SHS	2.44	5.7%	688	25.7	1.4
VC2	2.30	2.0%	293	36.9	0.8



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	198.83	26.2%	4,248	16.5	4.2
VHM	151.20	20.0%	7,607	5.6	1.0
VCG	62.74	3.8%	707	33.9	1.3
GMD	61.03	25.2%	7,333	10.7	2.5
VND	54.15	13.0%	1,657	13.6	1.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	-194.87	11.6%	1,444	13.0	1.4
MWG	-98.96	0.7%	115	408.0	2.9
NVL	-83.03	1.8%	413	39.1	0.7
DCM	-71.84	10.8%	2,095	16.7	1.9
SSI	-51.98	10.1%	1,531	23.7	2.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	60.06	23.5%	3,966	5.8	1.2
STB	6.73	18.3%	4,094	7.4	1.2
VPB	4.22	8.3%	1,445	12.8	1.1
TPB	3.78	13.7%	2,019	9.2	1.2
AGR	3.16	5.9%	679	30.8	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-10.23	1.1%	293	268.2	2.9
VGC	-5.65	13.1%	2,717	20.3	2.6
DGC	-2.32	27.1%	8,163	14.6	3.8
HSG	-2.06	7.5%	1,321	16.5	1.2
NT2	-2.05	11.1%	1,722	15.0	1.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	197.28	11.6%	1,444	13.0	1.4
NVL	82.90	1.8%	413	39.1	0.7
VCB	61.24	21.7%	5,910	16.0	3.1
ACB	50.80	24.8%	4,131	6.5	1.5
PC1	45.10	1.9%	439	65.1	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GMD	-36.25	25.2%	7,333	10.7	2.5
KDH	-34.53	5.2%	906	40.4	1.9
MSB	-33.46	16.0%	2,322	6.3	0.9
VHM	-30.13	20.0%	7,607	5.6	1.0
VTP	-22.17	25.6%	3,123	25.1	6.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	65.45	0.7%	115	408.0	2.9
DCM	42.08	10.8%	2,095	16.7	1.9
HPG	31.73	6.9%	1,175	25.7	1.7
DPM	31.45	4.2%	1,361	26.1	1.2
VGC	27.43	13.1%	2,717	20.3	2.6

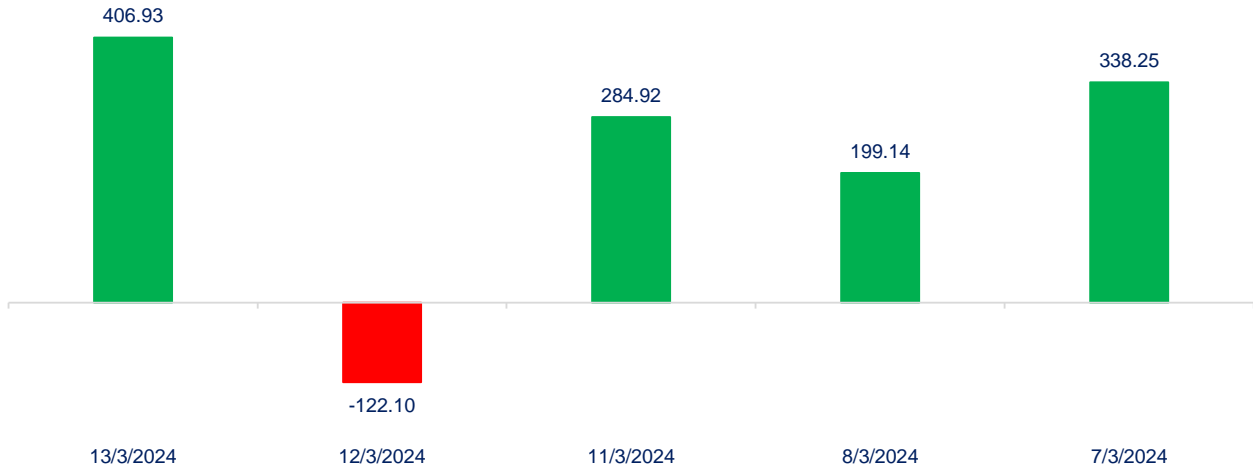
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-243.65	26.2%	4,248	16.5	4.2
VHM	-123.65	20.0%	7,607	5.6	1.0
MBB	-60.07	23.5%	3,966	5.8	1.2
GEX	-50.64	1.6%	388	56.7	0.9
VND	-47.25	13.0%	1,657	13.6	1.7

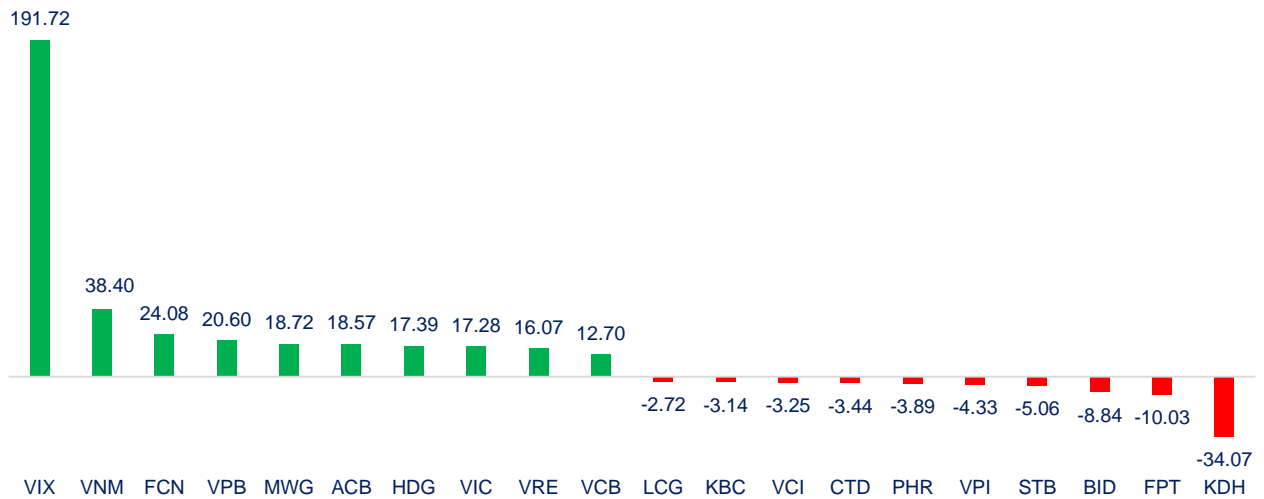


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn